TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **39**/2025/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 06 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1992; HKTT: xóm Cuối, xã C, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1994; HKTT: xóm Cuối, xã C, huyện K, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1992; HKTT: xóm Cuối, xã C, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1994; HKTT: xóm Cuối, xã C, huyện K, tỉnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn C và chị Lê Thị Đ.

2.2.Về con chung: Anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Bùi Trí K, sinh ngày 02/9/2013; chị Lê Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Bùi Lê Hiền Nh, sinh

ngày 05/7/2020 cho đến khi con đi 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Bùi Văn C và chị Lê Thị Đ đều chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn C và chị Lê Thị Đ có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không ai được cản trở và quyền yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về công nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Anh Bùi Văn C tự nguyện nộp toàn bộ150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số: 0003430 ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, anh Bùi Văn Công được hoàn trả lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Cổng thông tin TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tư Duy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của chồng và của vợ. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên, địa vị pháp lý trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).